

VỀ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH TỘC NGƯỜI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI*

Khổng Diễn

Viện Dân tộc học

Email: khongdiendth@yahoo.com

Ngày nhận bài: 22/2/2019

Ngày phản biện: 28/2/2019

Ngày duyệt đăng: 15/3/2019

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/260>

Xác định thành phần dân tộc để quản lý dân cư, nhằm xây dựng và phát triển quốc gia độc lập, từ lâu đã được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm

Bài viết phân tích những cách nhìn và ý kiến khác nhau về dân tộc, thành phần dân tộc, chủ yếu ở thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI của các nhà khoa học ở một số nước trên thế giới. Qua đó, cung cấp cái nhìn biện chứng trong việc đưa ra tiêu chí xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam, giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Tộc người; Tiêu chí xác định tộc người; Văn hóa dân tộc; Ngôn ngữ dân tộc; Ý thức tự giác tộc người.

1. Quan điểm của các nhà khoa học Liên Xô cũ

Stalin đã định nghĩa về dân tộc: *Dân tộc là một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử có chung ngôn ngữ, lãnh thổ, đời sống kinh tế, cùng chung một tổ chức tâm lý, biểu hiện trong cùng một văn hóa*, mà ở đó là dân tộc tư bản chủ nghĩa chứ không phải là tộc người (ethnic), nhưng các nhà khoa học Liên Xô trước đây vẫn vận dụng vào để xác định tộc người. Tuy không có nhiều ý kiến phê phán định nghĩa dân tộc của Stalin, nhưng khi xác định cụ thể những tiêu chí khác nhau thì họ tranh luận, đưa ra nhiều ý kiến. Đa số các nhà khoa học Liên Xô (cũ) cho rằng khái niệm tộc người tương đồng với khái niệm cộng đồng tộc người, cũng có tác giả cho rằng cộng đồng tộc người rộng hơn khái niệm tộc người. Theo N.N.Tsebocsarov có thể gọi cộng đồng tộc người là một nhóm tộc người gần gũi nhau về ngôn ngữ và văn hóa, nhưng cũng có thể gọi nó chỉ là một bộ phận của một tộc người với những nét độc đáo riêng về văn hóa và ngôn ngữ¹. Giáo sư S.I.Bruc coi cộng đồng tộc người là khái niệm bao trùm cho nhiều loại hình cao thấp khác nhau. “Về mặt lịch sử, những cộng đồng tộc người sớm hơn cả và tiêu biểu cho chế độ công xã nguyên thủy là bộ lạc, về sau do quá trình giải thể chế độ công xã nguyên thủy, đã xuất hiện liên minh bộ lạc, rồi cuốn sự gia tăng về mối liên hệ kinh tế, văn hóa giữa các bộ lạc, nhờ đó bộ tộc ra đời. Những bộ tộc đầu tiên ra đời ở thời kỳ chiếm hữu nô lệ, gắn với sự phát triển nhanh của lực lượng sản xuất xã

hội và sự xuất hiện của chế độ tư hữu. Với những thay đổi đó, dẫn đến sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, cùng với sự thay thế các mối quan hệ huyết thống trước đó bằng quan hệ lãnh thổ. Ở châu Âu việc hình thành các bộ tộc đã hoàn tất vào thời kỳ trung đại, tức thời kỳ chế độ phong kiến. Với sự phát triển của mối quan hệ xã hội, sự gia tăng các mối quan hệ về kinh tế, văn hóa, sự sáng tạo và phổ biến các ngôn ngữ văn học và cùng có ý thức dân tộc, đã hình thành lên các dân tộc”².

Ngày nay, có nhiều ý kiến cho rằng, xã hội loài người tiến thẳng từ liên minh bộ lạc lên dân tộc, nghĩa là không qua bộ tộc. Có ý kiến cho rằng khái niệm bộ tộc mang tính thực dân, chỉ những người man di sống ở vùng biên của đế chế.

Khi thảo luận các tiêu chí xác định dân tộc (tộc người) các nhà khoa học Xô Viết đều thống nhất với nhau rằng, khi xem xét về thành phần tộc người không căn cứ vào một tiêu chí nào, mà phải xét tổng thể. Vấn đề quan trọng là phải xem nhóm cư dân đó thuộc loại hình cộng đồng tộc người nào, đó là tộc người hay chỉ là một bộ phận của một tộc người (chỉ là nhóm địa phương, nhóm dân tộc học, nhóm tộc thuộc một tộc người).

Các nhà khoa học Xô Viết trước đây tương đối thống nhất với nhau, để xác định tộc người, phải có đủ 4 tiêu chí:

1.1. Cùng cư trú trên một phạm vi lãnh thổ nhất định

¹. N.N. Tsebocsarov, “Vấn đề phân loại các cộng đồng người trong các tác phẩm của các học giả Xô Viết”, Dân tộc học Xô Viết, số 4, 1967.

². S.I.Bruc (1962), *Các quá trình phát triển tộc người và những nguyên tắc phân loại tộc người* trong “Dân số và phân bố các dân tộc trên thế giới”, Nxb. Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Moscova.

* Bài viết là sản phẩm thuộc đề tài khoa học cấp Bộ: “Nghiên cứu đề xuất giải quyết một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau về thành phần dân tộc”, mã số: ĐTCB.UBDT.04.18

Lãnh thổ tộc người như một điều kiện vật chất cơ bản để hình thành các cộng đồng tộc người. Nó quyết định nhiều đặc điểm của đời sống con người. Tuy nhiên, trong thực tế có một số dân tộc như Do Thái, Di Gan, Ta Mìn v.v... có thời kỳ họ cư trú ở nhiều vùng lãnh thổ khác nhau, quốc gia khác nhau nhưng ngay cả khi đó, họ vẫn được coi là dân tộc (tộc người) riêng.

1.2. Cùng nói một ngôn ngữ

Mỗi dân tộc (tộc người) đều có ngôn ngữ riêng của mình. Cộng đồng ít bị phân hóa hơn cả là cộng đồng về ngôn ngữ. Nó không đơn thuần là một phương tiện để giao dịch mà quan trọng hơn, là một phương tiện để phát triển đời sống văn hóa tinh thần của họ. Chỉ có ngôn ngữ mẹ đẻ, được tiếp nhận từ tuổi ấu thơ mới có thể giúp con người hiểu được những sắc thái sâu sắc nhất của đời sống tinh thần, mới cho phép con người trong cùng một tộc người hiểu nhau một cách thấu đáo.

Không phải ngẫu nhiên mà phần lớn các tên gọi của tộc người lại trùng với từ “người” hay “người mình” trong ngôn ngữ của tộc người³.

Việc phân nhóm theo mức độ thân thuộc của ngôn ngữ gọi là phân theo phả hệ. Cơ sở của sự phân loại này là sự tập hợp các ngôn ngữ bắt nguồn từ một ngôn ngữ gốc đã từng tồn tại trong quá khứ. Việc nghiên cứu vốn từ cơ bản và cấu tạo ngữ pháp các ngôn ngữ của một hệ, cho phép ta xác định được những ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ có nguồn gốc chung, là ngôn ngữ thân thuộc. Mỗi ngữ hệ lại chia thành nhiều ngành, nhiều nhánh khác nhau hoặc cũng có thể là ngôn ngữ của một nhóm các tộc người (S.I.Bruc đã dẫn).

Mặc dù ngôn ngữ là tiêu chí quan trọng trong xác định tộc người nhưng nó không phải là tiêu chí duy nhất, vì trên thế giới có nhiều tộc người nói chung một ngôn ngữ, nhưng lại có tộc người nói những ngôn ngữ khác nhau. Do vậy, khi xác định phải xét đến các tiêu chí khác nữa.

1.3. Có chung các đặc điểm văn hóa

Văn hóa là cái mà mỗi tộc người xây dựng nên trong quá trình lịch sử của mình, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mỗi tộc người đều có những sắc thái riêng, biểu hiện trong văn hóa vật chất (hay vật thể), văn hóa tinh thần (hay phi vật thể) và văn hóa xã hội. Không thể có hai tộc người lại cùng chung một văn hóa, nghĩa là không thể có hai nền văn hóa hoàn toàn giống nhau. Khi một tộc người đã để mất văn hóa của mình thì không còn là tộc người nữa (N.N.Tsebocsanov- đã dẫn). Tuy nhiên, văn hóa lại rất rộng, gồm nhiều nội dung khác nhau, cho nên khi xác định tộc người phải rất tinh tế và cẩn trọng, nếu không sẽ xảy ra bất đồng.

1.4. Có cùng ý thức tự giác tộc người

³. V.I.Kozlov (1979), *Bản về phân loại cộng đồng tộc người*, trong “Dân tộc học đại cương”, Nxb. Khoa học, Moscova.

Đây là tiêu chí cực kỳ quan trọng, có người còn cho rằng, đó là tiêu chí quan trọng nhất trong xác định tộc người. Tuy vậy cũng có ý kiến không nhất trí như vậy. Vì nó phụ thuộc vào hoàn cảnh và tình huống cụ thể khi ta xác định các tộc người cụ thể.

Ý thức tự giác tộc người có tính độc lập cao. Dẫu cho lãnh thổ bị ngăn cách, văn hóa bị đứt gãy, thậm chí cả ngôn ngữ mẹ đẻ bị mất đi thì ý thức tự giác tộc người vẫn được duy trì.

Với bốn tiêu chí này, được các nhà khoa học Xô Viết tương đối thống nhất dùng để xác định thành phần tộc người, ít có những ý kiến tranh luận và phản đối.

Những tiêu chí được đưa ra nhưng chưa có sự thống nhất

- *Kinh tế*. Được đưa ra nhưng có một số nhà khoa học bác bỏ. Họ cho rằng, nếu đưa kinh tế vào thành một tiêu chí trong xác định tộc người, sẽ làm đơn giản hóa khái niệm về mối quan hệ giữa kinh tế và tộc người. Kinh tế là điều kiện cần thiết để tồn tại các hình thái của tộc người chứ không đặc trưng cho tính đặc thù của tộc người. Cộng đồng kinh tế và cộng đồng tộc người thường không trùng nhau. Cộng đồng kinh tế xuất hiện trước hết thông qua cộng đồng lãnh thổ kết hợp với cộng đồng quốc gia. Khi sự liên hệ về lãnh thổ bị phá vỡ thì mối liên hệ về kinh tế không còn nữa⁴. Có thể coi trọng sự phát triển của mối liên hệ kinh tế giữa các cộng đồng lãnh thổ có tính riêng biệt của một tộc người hay nhóm tộc người ở bên cạnh nhau trong quá trình hình thành tộc người, chứ không nên đồng thời tuyệt đối hóa những mối liên hệ ấy, không nên coi chúng là bất biến, và cũng không nên đem biểu tượng về những đặc điểm kinh tế của các tộc người thay thế cho khái niệm cơ sở kinh tế trong việc hình thành của chúng⁵.

- *Tâm lý*, là dấu hiệu cũng được một số nhà khoa học cho rằng, đó là một tiêu chí của tộc người. Trong cuốn “*Tộc người và dân tộc*”, Viện sỹ viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô Bromley Iu.v, có thời kỳ là Viện trưởng Viện Dân tộc học Liên Xô, đã khẳng định, tâm lý là một tiêu chí của tộc người. Ông phản đối những ý kiến phủ nhận sự khác nhau về tâm lý giữa các tộc người, phản đối việc giải thích sơ sài hoặc tuyệt đối hóa những khác nhau đó. Ông coi tâm lý là vốn có của mỗi tộc người và nó tồn tại trong bất kỳ hình thái xã hội nào⁶.

Quan điểm này vấp phải nhiều ý kiến không đồng tình, thể hiện ở 4 số tạp chí Dân tộc học Xô Viết năm 1983. Theo V.I.Kozlov, các đặc tính tâm lý của các nhóm người phải được hiểu là những đặc điểm trong nhận thức của họ về các hiện tượng tự

⁴. V.I.Kozlov (1970), *Tộc người và kinh tế tộc người*, Dân tộc học Xô Viết, số 6.

⁵. N.N.Tsebocsarov (1964), *Những vấn đề nguồn gốc của các dân tộc cổ đại và hiện đại*, Nxb. Khoa học, Moscova.

⁶. Iu.V.Bromley (1973), *Tộc người và dân tộc học*, Moscova.

nhiên và xã hội, các đặc điểm trong cách ứng xử trước những hoàn cảnh, tình huống khác nhau. Khi dân tộc có giai cấp đối kháng, có kẻ thống trị và người bị trị thì mỗi giai cấp có đặc tính tâm lý riêng, không có tâm lý chung cho tộc người.

- *Nội tộc hôn*, cũng là dấu hiệu được đề cập đến trong xác định tộc người. Viện sỹ Iu. V.Bromley kiến nghị, phải coi tộc người là cộng đồng có nhiều ưu thế về sự gìn giữ nội tộc hôn, vì nó là tiêu chí rất quan trọng⁷. Quan điểm này cũng vấp phải những ý kiến phản đối. Người ta cho rằng, nội tộc hôn đảm bảo cho việc tái sản xuất dân cư, tồn tại bền vững trong xã hội ở vào một thời kỳ nhất định, nó không thuần túy là đặc tính cho một tộc người⁸.

- *Nguồn gốc*, cũng có các ý kiến cho rằng, nguồn gốc nên được coi là một đặc tính của tộc người⁹. Nhưng nhiều ý kiến phản bác, cho rằng nguồn gốc không đặc trưng cho các tộc người hiện tại.

- *Loại hình kinh tế - văn hóa*. Lý thuyết về loại hình kinh tế - văn hóa và “khu vực dân tộc học - lịch sử”, được các nhà dân tộc học Xô Viết M.G.Levin, N.N.Tsebocsarov, B.V.Andrianov sáng tạo ra, người ta coi đây là một lý thuyết mới của Dân tộc học Xô Viết, nhưng đưa thành một tiêu chí để xác định tộc người thì nhiều ý kiến không tán thành. Theo họ thì lý thuyết này chỉ đúng đối với giai đoạn sớm của lịch sử xã hội. Nếu sử dụng cách phân loại này thì ngay cả các tộc người có dân số ít cũng bị chia thành những loại hình, những tộc người khác nhau.

- Cuối cùng là *Tổ chức xã hội*, có ý kiến nêu ra, nhưng ít được thảo luận.

2. Quan điểm của các nhà khoa học Trung Quốc

Ở Trung Quốc, ngay từ những ngày đầu thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1949), nhà nước đã đưa cán bộ nghiên cứu dân tộc đến các vùng có nhiều dân tộc sinh sống tiến hành điều tra, nghiên cứu, đi sâu phân tích về lịch sử xã hội, tổ chức tâm lý, ngôn ngữ văn tự, đời sống kinh tế, tên gọi của các dân tộc (tộc người), trên cơ sở tôn trọng nguyện vọng của các tộc thể để định tên, thành phần dân tộc¹⁰.

Căn cứ vào sự ghi chép của lịch sử, từ trước công nguyên 2.000 năm, ở Trung Quốc đã có các dân tộc như ngày nay, đó là Hạ, Thương, Huân Dục, Cửu Lê, Hữu Miêu, Khương v.v..., đã có sự phân định về địa giới, khu vực. Chỉ có điều sử dụng các thuật ngữ không giống ngày nay mà thôi. Trong ngôn ngữ Trung Quốc, chữ *dân* đã tồn tại từ lâu trong kim văn, đến đời Chu, *dân* có nghĩa là ngu dân, bị nô dịch. Còn chữ *tộc*, có nghĩa là thúc thát,

tùng tộc. Lấy ý này để chỉ thị tộc, cũng trong văn hiến đời Chu, chữ *tộc* được dùng để chỉ cộng đồng người có quan hệ thân thuộc, dòng tộc.

Thuật ngữ *dân tộc* ở Trung Quốc mới có từ năm 1899, do Lương Khải Siêu, có thời bị thất sủng ở trong nước, phải sang sinh sống ở nước Nhật, khi về nước, ông viết bài đã sử dụng thuật ngữ dân tộc. Từ đó tầng lớp trí thức tiên bộ, các nhân sỹ cải lương ở Trung Quốc mới sử dụng thuật ngữ này. Theo Lương Khải Siêu và những học giả dân chủ tư sản Trung Quốc, thuật ngữ này cũng không phải đã có ở Nhật Bản mà họ dịch từ Châu Âu sang. Chỉ từ sau năm 1903, hai chữ *dân tộc* mới sử dụng rộng rãi ở Trung Quốc. Những người thường sử dụng thuật ngữ này khi đó có Lương Khải Siêu, Lương Thị, Trương Hán Viên, Tôn Trung Sơn v.v...

Theo Lương Khải Siêu, một dân tộc (tộc người) phải có 8 yếu tố. Đó là: 1/ Cùng sống trên một lãnh thổ, 2/ Cùng huyết thống, 3/ Cùng chất thể hay chủ thể, 4/ Cùng ngôn ngữ, 5/ Cùng văn tự chữ viết, 6/ Cùng tôn giáo, 7/ Cùng phong tục, 8/ Cùng sinh kế.

Sau Lương Khải Siêu, là Uông Tinh Vệ, năm 1905 đưa ra 6 điều kiện cho một dân tộc. Đó là: 1. Cùng huyết thống, 2. Cùng ngôn ngữ, văn tự, 3. Cùng nơi ở, 4. Cùng tập quán, 5. Cùng tín ngưỡng, tôn giáo, 6. Cùng tinh thần thể chất.

Ta thấy 6 tiêu chí (điều kiện) do Uông Tinh Vệ đưa ra cũng gần giống với 8 tiêu chí của Lương Khải Siêu, chỉ sắp xếp lại và điều chỉnh một số tiêu chí: Đem ngôn ngữ và văn tự ghép làm một, đổi “chất thể” thành tinh thần thể chất, bỏ đi điều kiện cùng sinh kế.

Tôn Trung Sơn năm 1924, trong cuốn “*Tam dân chủ nghĩa*” đã đưa ra 5 tiêu chí cho dân tộc (tộc người). Đó là: 1. Cùng huyết thống, 2. Cùng sinh hoạt (phương pháp mưu sinh), 3. Cùng ngôn ngữ, 4. Cùng tôn giáo, 5. Cùng phong tục tập quán.

Theo các nhà khoa học Trung Quốc hiện nay (Hoàng Quang Học đã dẫn) Tôn Trung Sơn đã nhấn mạnh đến yếu tố sinh hoạt, tức yếu tố kinh tế, nhìn chung, các tiêu chí đưa ra của Tôn Trung Sơn đã có những tiến bộ so với Lương Khải Siêu và Uông Tinh Vệ, nhưng vẫn giữ hai tiêu chí là huyết thống và tôn giáo để cấu thành dân tộc thì vẫn không thật khoa học.

Rõ ràng các nhà khoa học tư sản không có khả năng giải đáp vấn đề dân tộc một cách khoa học, còn lẫn lộn giữa chủng tộc và dân tộc, đưa huyết thống hoặc hình dáng chất thể (chủ thể), của nhân chủng học (nhân học thể chất) để cấu thành dân tộc, đem chủng tộc, một phạm trù của sinh học vào dân tộc (tộc người), một phạm trù của lịch sử xã hội là không thể chấp nhận được.

Các nhà dân tộc học Macxít ở Trung Quốc, kể cả trước và sau năm 1949, vẫn kiên trì tuân thủ định nghĩa của I.V.Stalin.

⁷. Iu.V.Bromley (1969), *Tộc người và nội tộc hôn*, Dân tộc học Xô Viết, số 6.

⁸. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

⁹. Shelepov G.V (1968), *Nguồn gốc chung như là một đặc điểm của cộng đồng tộc người*, Dân tộc học Xô Viết, số 4.

¹⁰. Hoàng Quang Học (chủ biên, 1995), *Nhận biết các dân tộc Trung Quốc*, Nxb. Dân tộc, Bắc Kinh.

Chỉ từ Hội nghị Trung ương 3 của Đảng Cộng sản Trung Quốc (1978) với chính sách cải cách, mở cửa của Đặng Tiểu Bình, các nhà Dân tộc học nước này mới đưa thêm một số tiêu chí vào xác định dân tộc của Stalin, như: cùng một phong tục tập quán, tách khỏi tổ chất tâm lý. Vấn đề ý thức dân tộc được đặt ra, được coi là một đặc trưng quan trọng của dân tộc (tộc người). Ở Trung Quốc, sau Hội nghị Trung ương 3 của Đảng Cộng sản Trung Quốc 1978, các nhà khoa học tổ chức một số cuộc hội thảo về vấn đề này. Nhìn chung vẫn có 3 loại ý kiến khác nhau: 1/Loại 1, cho ý thức dân tộc (tộc người) là tích cực, là động lực gốc của sự phát triển. Nếu mất nó, sẽ mất khả năng sống và dân tộc sẽ suy vong, 2/ Loại ý kiến thứ hai, cho ý thức dân tộc là tiêu cực, nó là nguyên nhân làm gia tăng mâu thuẫn dân tộc. Trong những điều kiện đặc biệt, rất khó có thể phân định ranh giới giữa ý thức dân tộc và chủ nghĩa dân tộc. Do vậy, cần phải hạn chế phạm vi tác động của nó. 3/ Loại ý kiến thứ 3 (còn được coi là trung tính). Khuyến mọi người cần phải phân tích cụ thể, không khái quát tính chất và tác động của nó. Ý thức dân tộc và chủ nghĩa dân tộc là hai vấn đề khác nhau, nhưng lại có sự liên hệ mật thiết, khi bị áp bức thì ý thức dân tộc là tích cực tiến bộ, và ngược lại, ở xã hội dân chủ tự do, thì nó là tiêu cực¹¹.

3. Về xác định (nhận diện) tộc người ở Thái Lan

Nước Thái Lan, trước năm 1939 gọi là Xiêm. Theo Charls Keyes, vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, ở nước Xiêm đã thực hiện một dự án “Xác định tộc người sinh sống trong phần đất có chủ quyền của nhà nước”, nó là dự án dân tộc chí. Dự án này, theo các nhà khoa học Thái Lan và Hoa Kỳ, không những mang tính chủ nghĩa thực dân phương Tây mà còn là công cụ cho việc tiến tới một chương trình nghị sự làm bá chủ các đối tượng bị trị của các nhà lãnh đạo Xiêm. Nó xác định vị trí và đối chiếu với cả chính những tộc người thuộc giới tinh hoa theo một trật tự mới - xã hội hiện đại. Tiêu chí ngôn ngữ được sử dụng vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, xã hội Xiêm được xem là một xã hội phức tạp; người bản địa chiếm khoảng 20% dân số cả nước, những người này nói các ngôn ngữ không thuộc ngữ hệ Thái, hơn một nửa số người Xiêm được xem là người Lào, bao gồm những tộc người nói nhiều ngôn ngữ và phương ngữ Thái. Nếu không xác định rõ các tộc người của nước này, thì số lượng lớn người Lào ở đất Xiêm sẽ là cái cớ để người Pháp mở rộng ảnh hưởng về phía Tây. Vì lúc đó Pháp cai trị Đông Dương. Vua Chulalongkorn và các cố vấn của ông đã đề ra một chính sách gọi là “Hội nhập quốc gia”¹².

¹¹. Hách Thời Viễn, Dương Cảnh Sờ (1998), *Ý thức dân tộc*, Tạp chí Dân tộc, Bắc Kinh, tháng 10.

¹². Charles F.Keyes (2002), *Những tộc người ở châu Á: Những vấn đề khoa học và chính trị trong việc phân loại các nhóm người ở Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam*, Journal of Asian Studies, số 4.

Trước hết, tất cả những tộc người nói các ngôn ngữ có quan hệ nhưng không thể hiểu được nhau một cách dễ dàng, thuộc ngữ hệ Thái được coi là có chung một ngôn ngữ theo sắc lệnh hành chính.

Thứ hai là, tất cả những người theo Phật giáo truyền thống, kể cả những người nói thứ tiếng khác ngữ hệ Thái, đều xem là có chung một tôn giáo - một tiêu chí dùng để xác định tộc người. Do vậy, khó có thể nói rằng ở đầu thế kỷ XX có ít nhất 85% dân số thuộc thành phần tộc người là của quốc gia Xiêm. Những khác biệt giữa họ được giải thích là những khác biệt về khu vực hơn là khác biệt về tộc người. Vì thế số đông người lẽ ra phải được nhận là người Lào thì lại được giải thích là người Đông Bắc hay người miền Bắc (Ch. Keyes - đã dẫn).

Những người nói tiếng Khmer và những người nói các thứ tiếng liên quan đến ngôn ngữ Khmer ở vùng Đông Bắc, những người nói tiếng Mã Lai ở miền Nam cũng như những người theo Hồi giáo ở đó cũng trở thành người Thái ở miền Nam nước Xiêm. Mặc dù có sự phản ứng của các tộc người bản địa đối với chính sách “hội nhập quốc gia” vào những thập niên đầu thế kỷ XX, nhưng cho đến năm 1930 một hệ thống giáo dục tiểu học bắt buộc vẫn được thực hiện, trong đó sử dụng một cấu trúc ngôn ngữ Thái Trung ương đã được chuẩn hóa như một phương tiện chỉ dẫn.

Vấn đề lớn nhất ở đất nước này, vào thập niên đầu tiên thế kỷ XX, mà Chính phủ Trung ương phải đối mặt, là sự tồn tại một bộ phận lớn dân số người nhập cư và hậu duệ của những người di cư từ miền nam Trung Quốc. Số lượng người Hoa ở nhà nước Xiêm vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã tăng vọt, tỷ lệ tăng dân số của người Hoa cao hơn tỷ lệ tăng của tổng dân số cả nước, số người Hoa tăng từ 6,2% năm 1870 lên 9,8% năm 1917, đến năm 1947, dân số người Hoa chiếm 12,0% dân số nước Thái Lan (Ch.Keyes).

Nhà nghiên cứu Luang Wichit cho rằng việc lần ra các mối liên hệ di truyền giữa các ngôn ngữ Thái khác nhau có thể thấy một nguồn gốc chung cho tất cả những người nói tiếng Thái. Thậm chí những người có chung nguồn gốc này truy nguyên lại là cư dân của Vương quốc Nam Chiếu ở Vân Nam, Trung Quốc, cũng được cho rằng có chung các đặc điểm khác.

Từ đó người ta sử dụng khái niệm Maha Manachak (đế chế Thái vĩ đại) theo mô hình mà Hiler đã làm với người Đức ở châu Âu. Đế chế này liên kết tất cả mọi người Thái, cho dù họ định cư ở đâu, vào một nhà nước duy nhất với Xiêm (Thái Lan) là hạt nhân. Chính quan điểm này ở Hội thảo Việt Nam học lần 1, tại Hà Nội, năm 2005 Charles Keyes đưa ra ý kiến phản đối với cái gọi là “Cộng đồng Thái” ở một số nước Đông Nam Á và Nam Trung Quốc. Ông cho rằng không thể truy nguồn gốc chung để thành lập cộng đồng hiện nay.

Việc đồng hóa các dân tộc thiểu số ở Thái Lan vẫn tồn tại đến ngày nay. Những người dân tộc thiểu số không nói ngôn ngữ Thái, bị gọi là “*Chao Khao*”, có nghĩa là thấp kém, hay nổi dậy chống đối nhà nước Thái. Các dân tộc thiểu số, kể cả những người nước ngoài nhập cư vào Thái Lan đều phải đổi họ, tên gọi và phải cải đạo, theo Phật giáo. Điều đó đã bị một số nhà Dân tộc học ở nhiều nước, kể cả các nhà khoa học ở chính Thái Lan phản ứng quyết liệt.

4. Về xác định tộc người ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, Việt Nam đã cử các đoàn cán bộ về lĩnh vực dân tộc sang cùng với cán bộ Lào, nghiên cứu về các tộc người ở đất nước này, do đó cách xác định tộc người ở Lào không khác nhiều so với cách xác định của Việt Nam. Vào giữa những năm của thập niên 90 thế kỷ XX, cả nước Lào có 38 tộc người¹³. Đến năm 2005, theo kết quả Tổng điều tra dân số toàn quốc, nước Lào có 49 tộc người, được xếp vào 4 ngữ hệ (family): Lào - Thái, Môn-Khmer, Hán - Tạng và Mông - Jiu Miên (Mông - Dao)¹⁴. Tại Hội nghị 6 Quốc hội Lào (khóa VI), ngày 24/11/2008 đã công nhận kết quả của năm 2005, Quốc hội ra quyết nghị số 213/QH: Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chỉ có 1 dân tộc lớn, là dân tộc Lào và 49 dân tộc nhỏ (ethnic). Không sử dụng các thuật ngữ như Lào Lùm, Lào Thàng và Lào Sùng; không được sử dụng các tên gọi có tính chất miệt thị, khinh thường, chia rẽ như dân tộc đa số, dân tộc thiểu số v.v...do lịch sử để lại¹⁵.

So sánh bảng danh mục các tộc người ở Lào (theo Quyết định 213/QH) với bảng Danh mục các tộc người ở Việt Nam (Theo Quyết định 121/TCTK năm 1979) chúng tôi thấy ở Lào, những tộc người nói ngôn ngữ Việt - Mường đều xếp vào ngữ hệ Môn - Khmer mà không có ngữ hệ hoặc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường; Ở Lào xếp thành 3 tộc người là: Tà Ôi, Pa Cô và Ôi, thì ở Việt Nam, chỉ là 1 tộc người Tà Ôi; Ở Lào xếp làm 2 tộc người: Thái, Phu Thay thì ở Việt Nam Phu Thay hay Pu Thay chỉ là tên gọi khác của Thái; Ở Lào có 2 tộc người: Lự và Nhuôn thì ở Việt Nam, Nhuôn là tên gọi khác của Lự. Cũng ở tài liệu này các nhà khoa học Lào đã trình bày tiêu chí xác định tộc người ở Lào như sau: “Dân tộc là một cộng đồng người được sinh ra trong lịch sử, gồm các đặc trưng về mặt ngôn ngữ, lịch sử, nguồn gốc sinh ra gắn liền với tên gọi của dân tộc và các đặc trưng về cơ cấu, hệ tư tưởng, tâm lý được thể hiện trong cộng đồng văn hóa”.

¹³. Nguyễn Duy Thiệu (1996), *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

¹⁴. Lao National Front for Construction (2005), *The Ethnic Group in Lao PDR*, Vientian.

¹⁵. Mặt trận Lào xây dựng đất nước, Thông tư hướng dẫn phổ biến, sử dụng tên gọi số lượng các dân tộc tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, số 004/TMX ngày 20.01.2009.

Dân tộc có một số đặc điểm:

- Mỗi dân tộc (nhỏ) có thể trở thành cơ sở của việc hình thành một dân tộc (lớn) như trường hợp dân tộc Áo, Hunggari, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ v.v...

- Mỗi dân tộc có ngôn ngữ riêng, những ngôn ngữ trên chưa thống nhất với nhau trong từng vùng, đôi khi khác nhau hoàn toàn là do có nhiều dân tộc di cư, nhập cư ở xen lẫn nhau.

- Kinh tế của dân tộc là tự cung tự cấp, việc trao đổi kinh tế không phát triển và không chặt chẽ là nguyên nhân dẫn đến ngôn ngữ và tiếng nói chưa thống nhất trong một dân tộc.

- Mỗi dân tộc có tâm lý và văn hóa bậc trung ở một mức độ nhất định. Ở một số nước, mỗi dân tộc có lãnh thổ riêng của mình.

Dân tộc xuất hiện không phải do mong muốn của con người, không phải do ý chí của chính quyền, mà do kết quả tác động của các qui luật kinh tế - xã hội.

Một nước có thể có một hoặc nhiều dân tộc.

5. Đối với các nhà khoa học phương Tây

Từ lâu các nhà khoa học phương Tây, trong đó có các nhà Dân tộc học, Nhân học xã hội, đã cho rằng: Tộc người (ethnic hay ethnic group) là những thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong xã hội và trên các phương tiện báo chí. Đa số ý kiến thường cho rằng các đặc trưng như văn hóa, xã hội, ngôn ngữ đã cấu thành nên tộc người. Bắt đầu từ giữa thập niên 50 của thế kỷ 20. Với công trình “*Các hệ thống chính trị ở vùng cao Burma*” (viết về tộc người Kachin), năm 1954 của E. R. Leach, tính thuyết phục về văn hóa, ngôn ngữ của tộc người bị nghi ngờ¹⁶. Ông cho rằng người Kachin không thể tìm thấy trong bất cứ một thuộc tính văn hóa nào mà tất cả họ chia sẻ. Tính riêng biệt của người Kachin chỉ có thể hiểu được khi xem xét cơ cấu các mối quan hệ của họ với những người láng giềng, là người Shan, những người mà với các tiêu chuẩn thông thường phải được coi là một nhóm tộc người riêng. Ông kết luận: “Các qui ước thông thường về các nhân tố tạo nên một văn hóa một xã hội đã tạo ra không còn phù hợp nữa”. Ông khẳng định, tổ chức xã hội cơ bản hơn văn hóa.

Nhà nhân học Michael Moeman, khi nghiên cứu về các mối quan hệ tộc người ở Thái Lan (năm 1965), tập trung vào tộc người Lự, ông cho rằng, ngôn ngữ, văn hóa và tổ chức xã hội trong tộc người không hoàn toàn tương đồng với nhau, do vậy không cần phải có một nền văn hóa đặc trưng¹⁷.

Năm 1969 Fredrik Barth, trong cuốn sách “*Nhóm tộc người và biên giới tộc người*” (ở phần giới thiệu), ông cho rằng: Trong khi không có một

¹⁶. Cuốn sách này đã được Viện Dân tộc học Việt Nam dịch ra tiếng Việt, bản dịch lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học

¹⁷. Michael Moeman (1965), *Ethnic identification in a Complex - civilization Who are the Lue ?* American Anthropologist.

tập hợp các đặc điểm văn hóa nào là bền vững để phân biệt nhóm tộc người này với nhóm tộc người khác thì không thể lấy các tiêu chí văn hóa làm các đặc trưng cơ bản để xác định các nhóm tộc người¹⁸.

Giáo sư Chares F.Keyes ở trường Đại học Washington tại Seattle Hoa Kỳ, người đã có nhiều năm cùng cộng tác với Viện Dân tộc học Việt Nam, tán đồng với quan điểm của các nhà khoa học trên (E.R.Leach, M.Moeman, F.Barth v.v...) ông đã viết một loạt bài về xác định tộc người nói chung, ở các nước châu Á như Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam nói riêng (đã dẫn), Một học sinh người Việt Nam của ông là Phan Ngọc Chiến đã có bài giới thiệu về tiêu chí đặc điểm văn hóa trong xác định thành phần tộc người của ông (tại Hội thảo năm 2002 ở thành phố Hồ Chí Minh).

Theo Ch. F.Keyes: “Một tộc người phải được quan niệm là một cộng đồng người, kết hợp với nhau về một dòng dõi chung mà họ cùng chia sẻ, nhưng không giống như dòng họ trong gia đình, bằng cách chỉ ra cụ thể một ông hay bà tổ chung và không nhất thiết phải là một sự kiện có thật, chỉ có niềm tin có chung một dòng dõi cũng có giá trị như chung một dòng dõi có thật”¹⁹.

Trong khi đó nhà nhân học Canada đã có nhiều năm hợp tác nghiên cứu với Viện Dân tộc học Việt Nam, lại đề cao đặc điểm văn hóa. Theo ông, văn hóa cho phép chúng ta trả lời những câu hỏi: “Chúng ta là ai, tại sao và như thế nào chúng ta khác với người khác, cái gì phân định chúng ta vào trong các phạm trù xã hội được xây dựng dựa trên nền tảng về tuổi, giới, dòng dõi, địa vị hôn nhân, tài sản, nghề nghiệp, kỹ năng quyền lực... Những phạm trù nhân mạnh khác nhau tùy theo thế giới quan được xem xét”. “Quan điểm dân tộc học trung tâm (ethno - centric) cũng hàm ý rằng các nhà phát triển không hiểu hay từ chối việc thừa nhận khả năng tồn tại của nền văn hóa bản địa truyền thống”. Tóm lại, văn hóa cho phép chúng ta xây dựng hiện thực của chúng ta²⁰.

Gần đây, trong một số tài liệu của Liên hợp quốc, khi viết về các dân tộc (tộc người) bản địa, họ

¹⁸. Bath Fredric (1969), *Introduction in Group and Boundaries Boston Little Brown*.

¹⁹. Phan Ngọc Chiến, “Quan điểm của một số nhà khoa học phương Tây về tiêu chí đặc điểm văn hóa trong việc xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam”, Hội thảo bàn về tiêu chí xác định lại thành phần dân tộc ở Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/10/2002.

²⁰. Don McCaskill (2005), *Từ người các bộ tộc thiểu số: Sự chuyển đổi của các dân tộc bản địa: Một cuộc tranh luận lý thuyết*, trong Hợp tuyển “Tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á” Hà Nội.

nhấn mạnh đến: Tính cộng đồng, ý thức tự nhận của người dân và dân số. Người ta cho rằng, một dân tộc muốn tồn tại được phải có một dân số nhất định, ít nhất là 10 vạn người, nếu không sẽ bị đồng hóa bởi các dân tộc cùng cư trú, nhất là bởi các dân tộc có dân số đông hơn.

Như vậy cho đến nay, vấn đề xác định tiêu chí hay đặc trưng của tộc người, trên thế giới vẫn còn những ý kiến khác nhau. Vấn đề là căn cứ vào tình hình thực tế, chúng ta phải xác định lấy những tiêu chí của chúng ta để có thể áp dụng được trong cả nước ở giai đoạn hiện nay.

Ở Việt Nam, nhằm phục vụ công tác nghiên cứu XĐTPDT, từ thập niên 1970 đến nay đã có 6 hội thảo bàn về tiêu chí XĐTPDT, tạm chia thành ba đợt.

Đợt 1 gồm hai cuộc hội thảo tại Hà Nội vào tháng 6 và tháng 11 năm 1973 do Viện Dân tộc học tổ chức. Đợt 2 gồm hai cuộc hội thảo vào tháng 7 và tháng 10 năm 2002 tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh do Viện Dân tộc học tổ chức. Đợt 3 gồm hai cuộc hội thảo tại Hà Nội vào năm 2014 do hội đồng Khoa học Công nghệ Ủy ban Dân tộc tổ chức.

Trong các cuộc hội thảo, những vấn đề lý thuyết được giới thiệu và phân tích. Kinh nghiệm các nước trên thế giới và khu vực áp dụng vào điều kiện Việt Nam được trao đổi và thảo luận. Mặc dù còn đôi khác biệt, nhưng ý kiến chung tương đối thống nhất là: Khác với Liên Xô, cũng khác với Trung Quốc, Việt Nam không coi lãnh thổ tộc người, đặc điểm kinh tế, nguồn gốc lịch sử là các tiêu chí XĐTPDT. Các yếu tố tâm lý, nguồn gốc lịch sử trong một số trường hợp nằm trong đặc điểm văn hóa hay ý thức dân tộc. Vì thế, kết luận chung là các nhà Dân tộc học Việt Nam trước sau vẫn thống nhất chỉ áp dụng ba tiêu chí XĐTPDT, bao gồm ý thức tự giác tộc người, đặc điểm văn hóa và ngôn ngữ, ngoài ra, tùy từng vùng, từng dân tộc có thể áp dụng thêm các tiêu chí mềm nhưng linh hoạt và bảo đảm tính khoa học. Trong ba tiêu chí, tiêu chí đặc điểm văn hóa hàm ý có chung một số đặc trưng chứ không phải có chung tất cả các thành tố văn hóa. Để XĐTPDT, cần áp dụng cả ba tiêu chí, mỗi tiêu chí được nghiên cứu không đơn lẻ, mà trong mối quan hệ tổng thể với các tiêu chí khác, không có tiêu chí nào là duy nhất mà chỉ có sự tổng hòa của các tiêu chí, do các tiêu chí kết hợp lại.

Đây là những kết luận đúng đắn, phù hợp với điều kiện nước ta, là thành tựu khoa học, thực tiễn có ý nghĩa to lớn của công tác XĐTPDT Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Phan Ngọc Chiến (2002), *Quan điểm của một số nhà khoa học phương Tây về tiêu chí đặc điểm văn hóa trong việc xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam*, Hội thảo bàn về tiêu chí xác định lại thành phần dân tộc ở Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/10/2002.
- Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Khổng Diễn (2002), *Một số vấn đề về xác định lại thành phần dân tộc ở Việt Nam*. Kỷ yếu Hội thảo bàn về tiêu chí xác định lại thành phần dân tộc ở Việt Nam (tại Hà Nội ngày 02. 7. 2002, thành phố Hồ Chí Minh ngày 18.10.2002).
- Hoàng Quang Học (chủ biên, 1995), *Nhận biết các dân tộc Trung Quốc*, Nxb. Dân tộc, Bắc Kinh;
- Nguyễn Duy Thiệu (1996), *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Hách Thời Viễn, Dương Cảnh Sờ (1998), *Ý thức dân tộc*, Tạp chí Dân tộc, Bắc Kinh, tháng 10.
- Bath Fredric (1969), *Introduction in Group and Boundaries*, Boston Little Brown.
- Iu.V.Bromley (1973), *Tộc người và dân tộc học*, Moscova.
- Iu.V.Bromley (1969), *Tộc người và nội tộc hôn*, Dân tộc học Xô Viết, số 6. Michael Moeman (1965), *Ethnic identification in a Complex - civilization Who are the Lue?* American Anthropologist.
- Shelepov G.V (1968), *Nguồn gốc chung như là một đặc điểm của cộng đồng tộc người*, Dân tộc học Xô Viết, số 4.
- N.N. Tsebocsarov (1967), *Vấn đề phân loại các cộng đồng người trong các tác phẩm của các học giả Xô Viết*, Dân tộc học Xô Viết, số 4.
- N.N.Tsebocsarov (1964), *Những vấn đề nguồn gốc của các dân tộc cổ đại và hiện đại*, Nxb. Khoa học, Moscova.
- S.I.Bruc (1962), *Các quá trình phát triển tộc người và những nguyên tắc phân loại tộc người trong “Dân số và phân bố các dân tộc trên thế giới”*, Nxb. Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Moscova.
- Don Mccaskill (2005), *Từ người các bộ tộc thiểu số: Sự chuyển đổi của các dân tộc bản địa: Một cuộc tranh luận lý thuyết*, trong Hợp tuyển “Tinh dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á” Hà Nội.
- Charles F.Keyes (2002), *Những tộc người ở châu Á: Những vấn đề khoa học và chính trị trong việc phân loại các nhóm người ở Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam*, Journal of Asian Studies, số 4.
- VI.Kozlov (1979), *Bàn về phân loại cộng đồng tộc người*, trong “Dân tộc học đại cương”, Nxb. Khoa học, Moscova.
- VI.Kozlov (1970), *Tộc người và kinh tế tộc người*, Dân tộc học Xô Viết, số 6.
- Lao National Front for Construction (2005), *The Ethnic Group in Lao PDR*, Vientian.
- Mặt trận Lào xây dựng đất nước, Thông tư hướng dẫn phổ biến, sử dụng tên gọi số lượng các dân tộc tại nước CHDCND Lào, số 004/TMX ngày 20.01.2009.

THE CRITERIA FOR DETERMINING ETHNIC GROUPS IN A NUMBER OF COUNTRIES AROUND THE WORLD

Khong Dien

Institute of Anthropology
Email: khongdiendth@yahoo.com

Received: 22/2/2019

Revised: 28/2/2019

Accepted: 15/3/2019

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/260>

Abstract: Determining the ethnic composition to manage the population, to build and develop an independent nation, has long been interested in many countries around the world. The paper analyzes different perspectives and opinions on ethnicity and ethnic composition, mainly in the 20th century and early 21st century of scientists in some countries around the world. Thereby, providing dialectical view in making criteria for determining ethnic composition in Vietnam in the current period.

Keywords: Human race; Criteria for determining ethnic groups; Native culture; National language; The sense of self-awareness among human race.